CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bất động sản điện lực Miền Trung

Ngày 31/12/2025	3,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.7%	-	-

DT thuần
Q4/25
1.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.6| -93.6%
YoY: ▼70.5| -97.8%

LN thuần
Q4/25
-9.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.26| -278%
YoY: ▼2.90| -41.7%

LN sau thuế
Q4/25
-10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.67| -283%
YoY: ▼3.29| -46.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-3.1%
YoY: +/-▲ 9.7%

ROE
2025
-6.5%
YoY: +/-▲ 3.5%

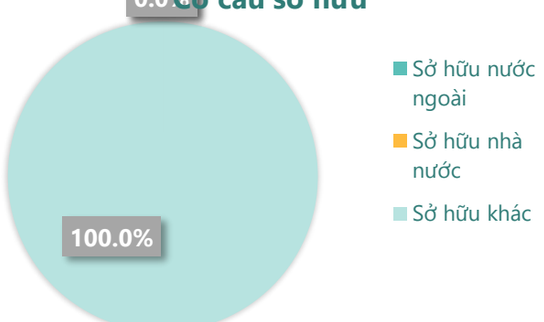
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	26,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	90
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.47
EPS	-761
P/E	-4.3

DT thuần
2025
96.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.2| -23.7%

LN thuần
2025
-27.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.7| 33.0%

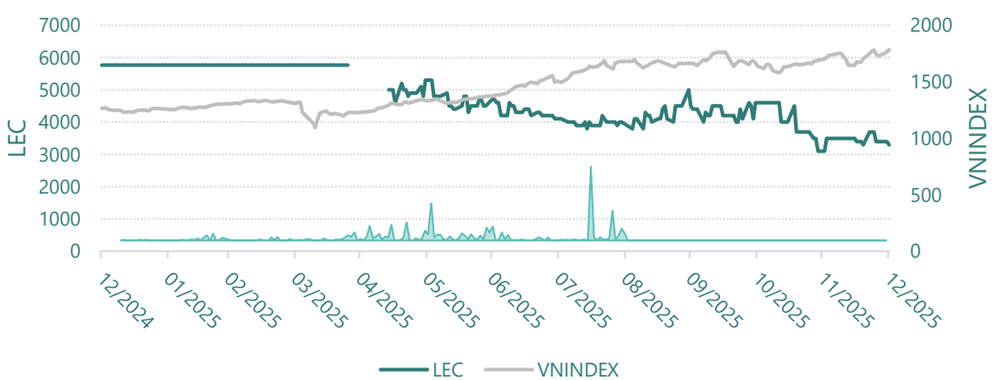
LN sau thuế
2025
-28.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.9| 35.6%

Cơ cấu sở hữu

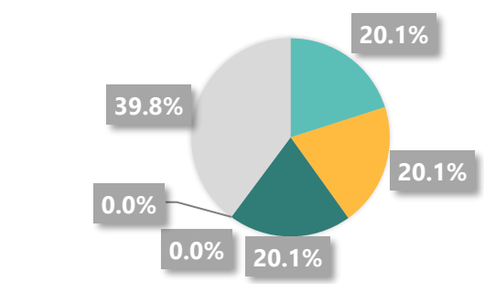


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

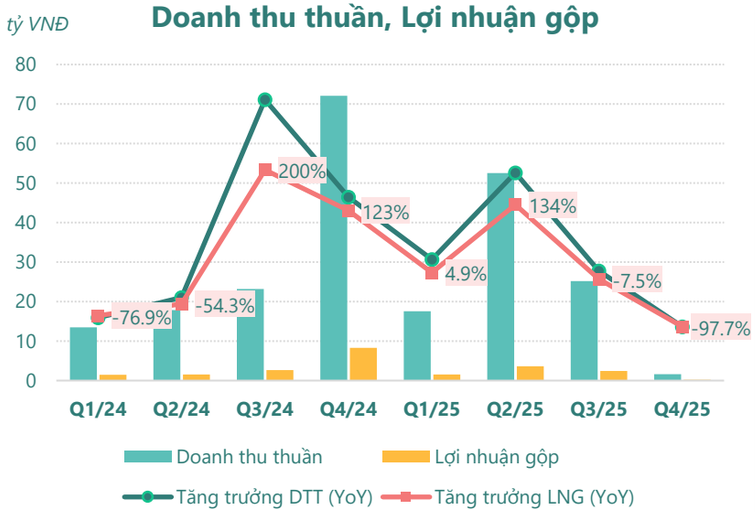


- Công ty TNHH Lemony Hà Nội
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển và Xây dựng Việt Trung
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đoàn Linh Gia
- Trương Thiết Hùng
- Hoàng Trọng Thành

(Nguồn: fireant.vn)

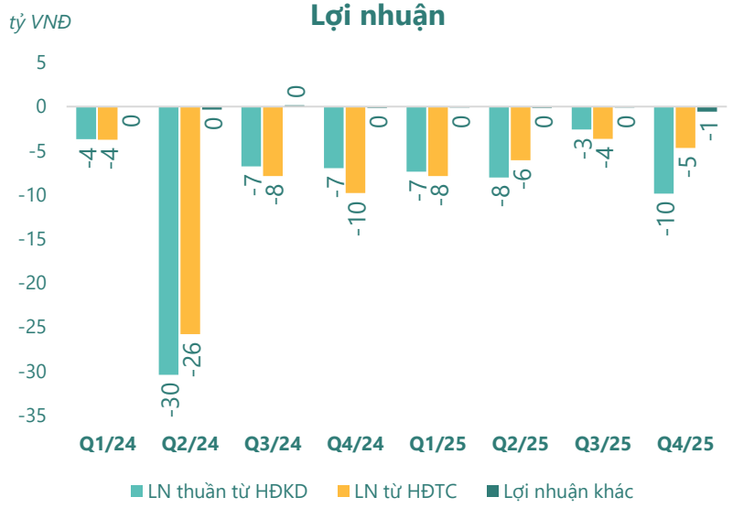
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



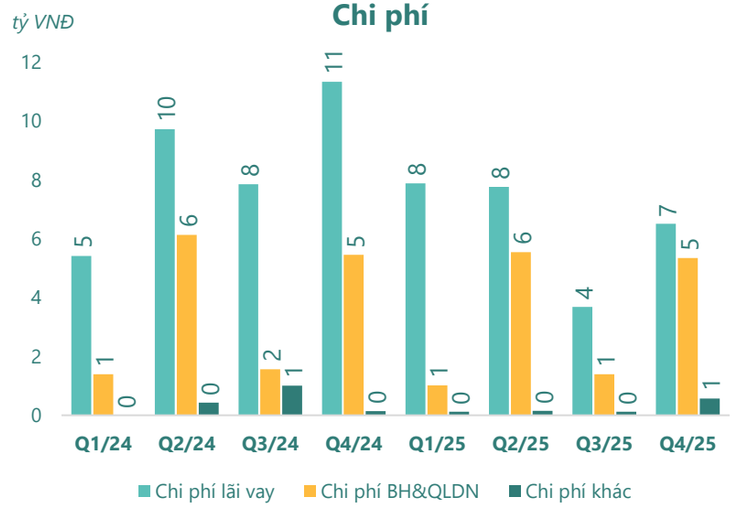
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



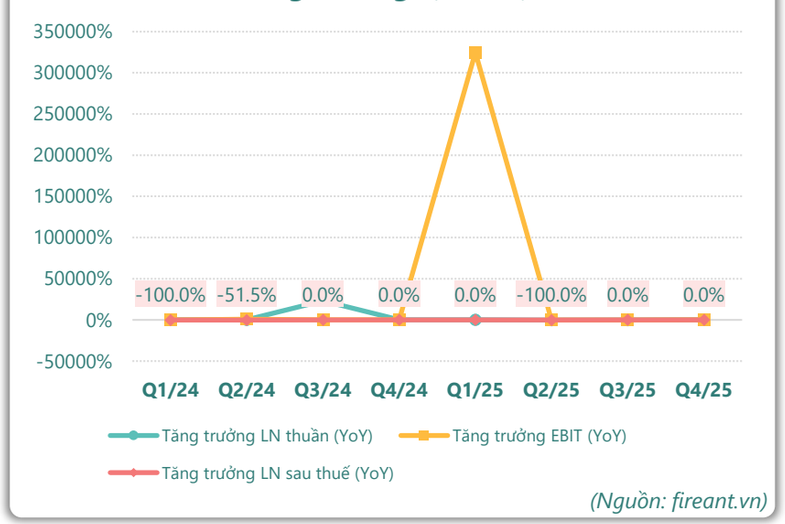
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



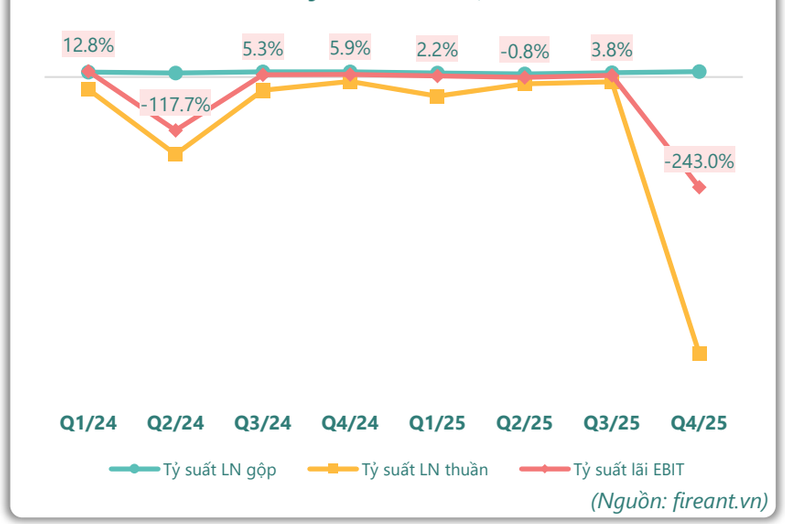
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



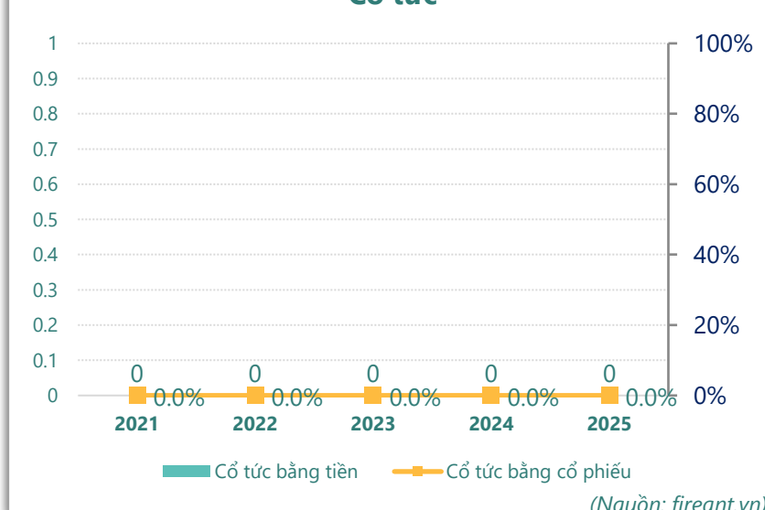
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

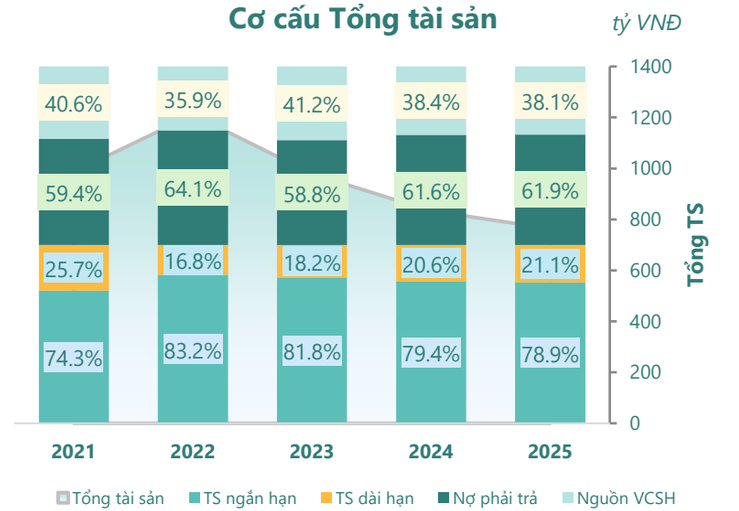
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

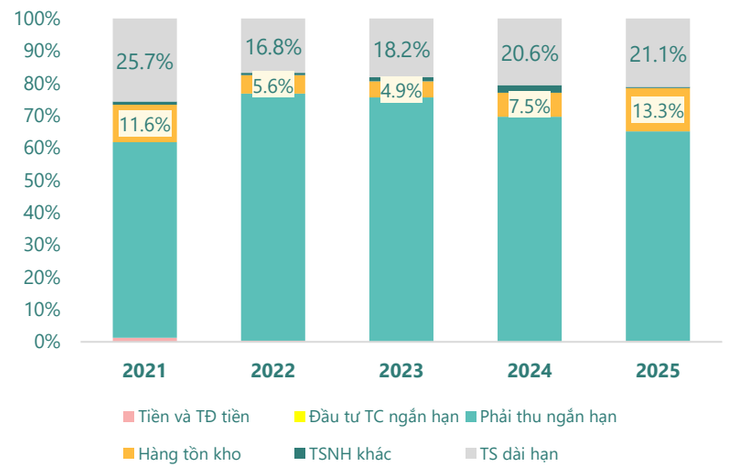
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



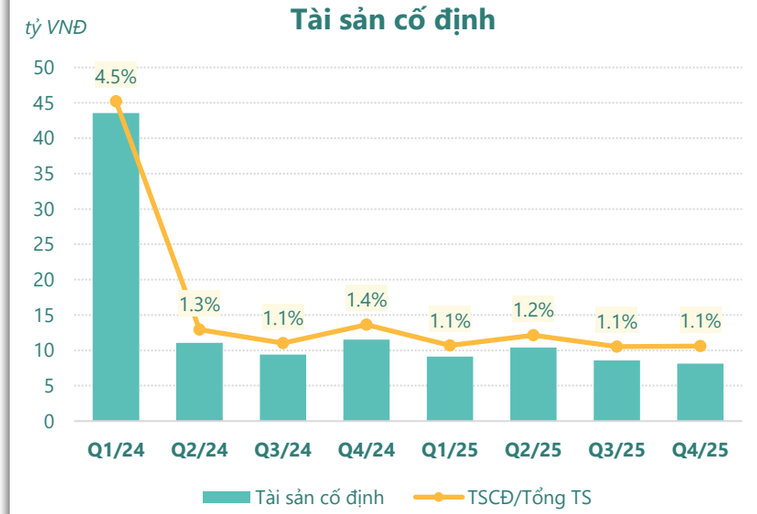
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



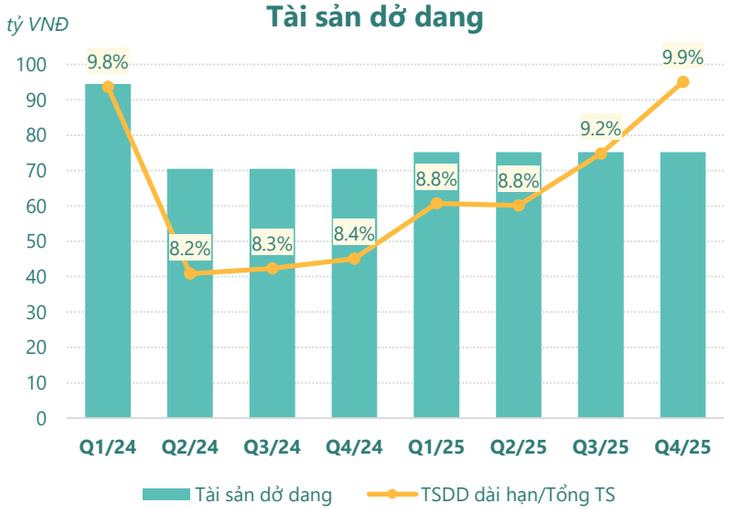
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



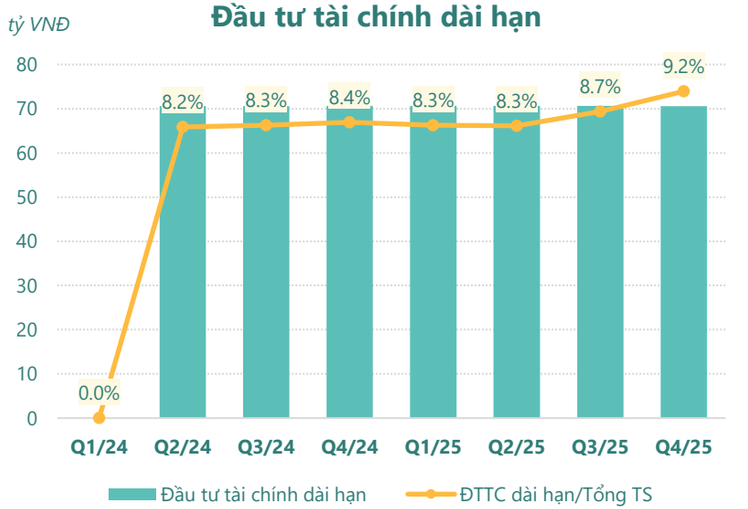
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



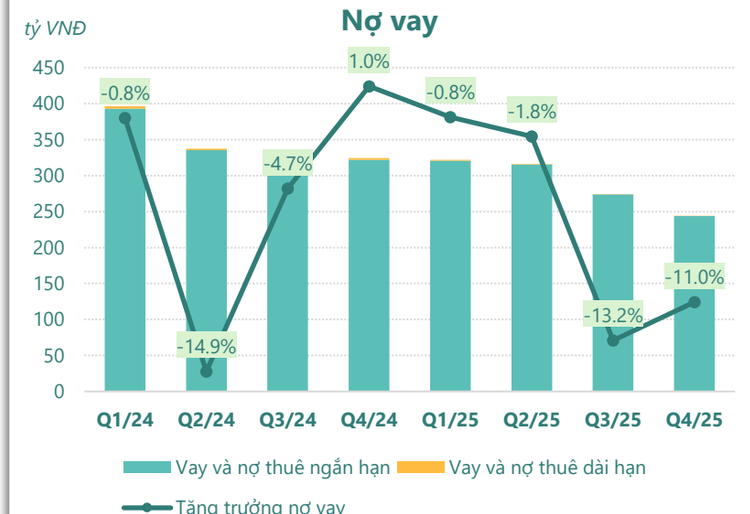
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

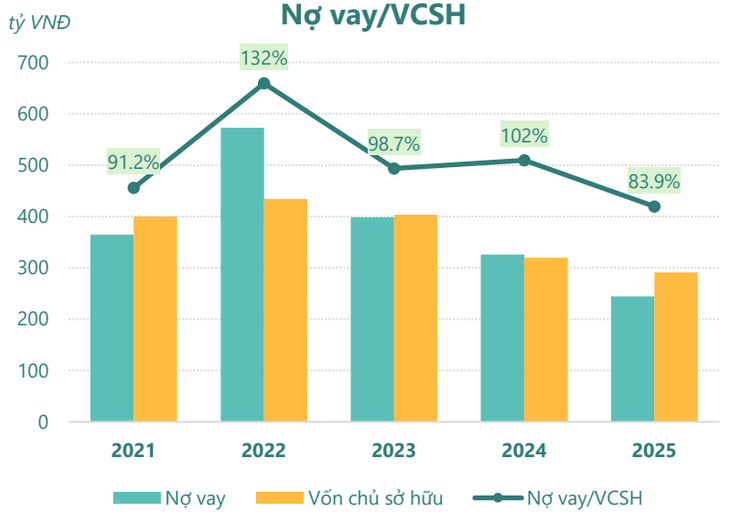
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



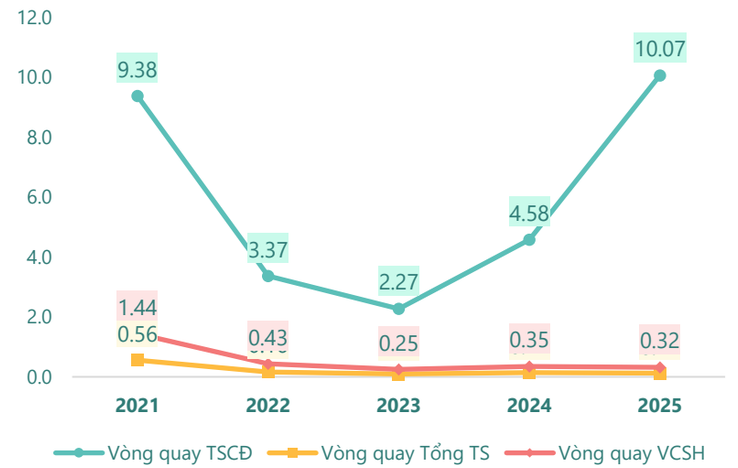
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



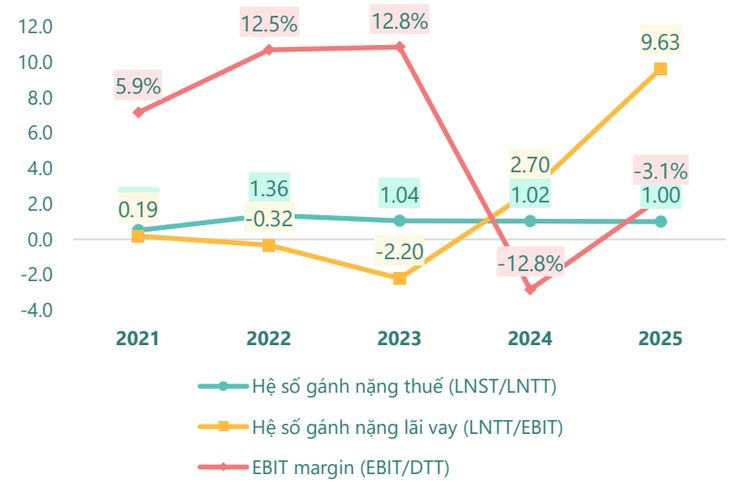
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



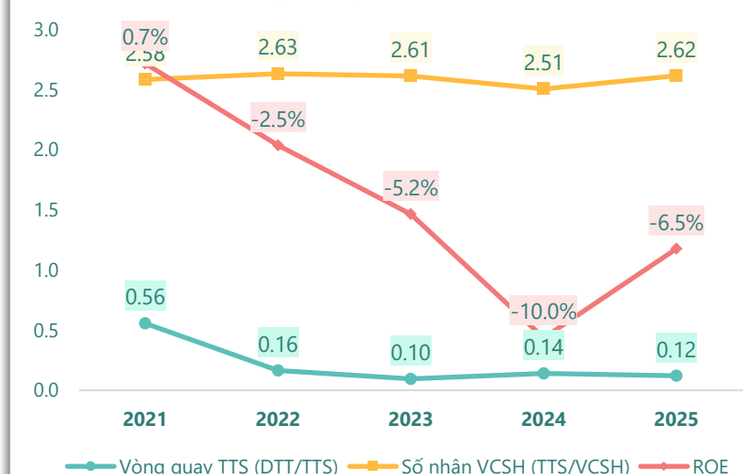
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



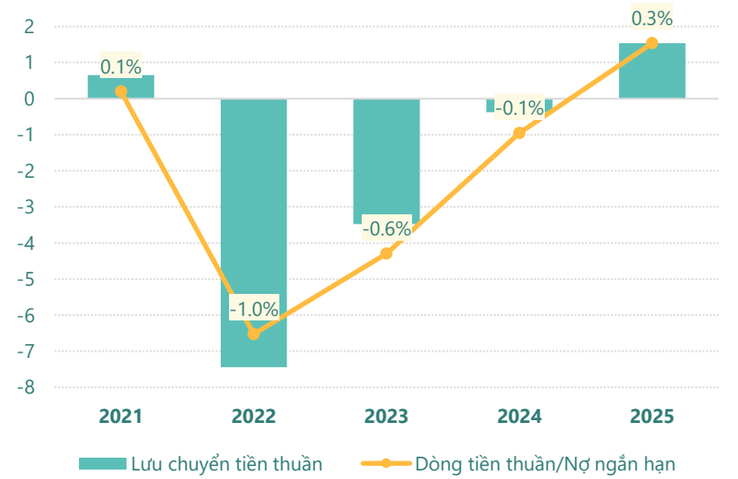
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.62**	**72.1**	**-97.8%**	**96.8**	**127**	**-23.7%**
Giá vốn hàng bán	1.43	63.8	-97.8%	89.1	113	-21.4%
Lợi nhuận gộp	0.19	8.28	-97.7%	7.76	13.7	-43.2%
Doanh thu HĐTC	1.87	1.54	21.5%	3.60	5.69	-36.7%
Chi phí TC	6.56	11.3	-42.0%	25.9	46.3	-44.0%
Chi phí lãi vay	6.51	11.3	-42.4%	25.9	27.7	-6.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.03**	**0.00**		**-0.04**	**0.02**	**-294%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.35**	**5.45**	**-1.9%**	**13.3**	**14.7**	**-9.6%**
LN thuần từ HĐKD	-9.87	-6.97	-41.7%	-27.9	-41.6	33.0%
Lợi nhuận khác	**-0.57**	**-0.14**	**-309%**	**-0.96**	**-2.34**	**59.1%**
LN trước thuế	-10.4	-7.11	-46.9%	-28.9	-44.0	34.4%
Lợi nhuận sau thuế	**-10.4**	**-7.11**	**-46.9%**	**-28.9**	**-44.8**	**35.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.38**	**-5.47**	**-34.9%**	**-19.9**	**-36.0**	**44.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.4	78.6	0	19.9	43.8	30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.6	-27.4	0	2.99	-5.52	1.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.8	-47.5	0	-20.9	-40.1	-30.7
Tiền đầu kỳ	0.97	1.33	0	0.86	2.87	1.09
Lưu chuyển tiền thuần	**0.35**	**3.67**	**0**	**2.01**	**-1.78**	**1.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.33	5.00	0	2.87	1.09	2.29

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**764**	**833**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	602	662	-9.0%
Tiền và tương đương tiền	2.29	0.75	205%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	495	579	-14.6%
Hàng tồn kho	102	62.3	63.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.40	19.4	-82.5%
Tài sản dài hạn	**161**	**172**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.11	11.1	-27.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	75.2	75.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	70.6	70.6	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.20**	**0.21**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	7.11	14.4	-50.7%
Nợ phải trả	473	514	-8.0%
Nợ ngắn hạn	**472**	**512**	**-7.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	244	324	-24.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	149	140	6.4%
Nợ dài hạn	0.38	1.40	-72.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.26	1.28	-79.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**291**	**320**	**-9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**291**	**320**	**-9.0%**
Vốn điều lệ	261	261	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)